

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 07-Phòng Trắc địa, địa chất
Tháng 8 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương 100%		Giờ PN	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
1	01	Tổ quản lý			87		43.377.356	1	458.000	10	2.659.808		46.495.164	2.108.400	395.600	263.800	464.900	220.000			3.452.700	43.042.464	
1	HL-00056	Nguyễn Phi Hùng	Trưởng phòng	6.988.000	20	A	11.799.000			5	1.343.846		13.142.846	559.100	104.900	69.900	131.400	55.000			920.300	12.222.546	
2	HL-00476	Phạm Quốc Trường	Phó phòng	6.261.000	24	A	11.311.650						11.311.650	500.900	94.000	62.700	113.100	55.000			825.700	10.485.950	
3	HL-02079	Trần Minh Ngạn	Phó phòng	6.843.000	19	A	8.955.056			5	1.315.962		10.271.018	547.500	102.700	68.500	102.700	55.000			876.400	9.394.618	
4	HL-03408	Lê Đình Tám	Phó phòng	6.261.000	24	A	11.311.650	1	458.000				11.769.650	500.900	94.000	62.700	117.700	55.000			830.300	10.939.350	
2	08	Tổ chuyên viên			554		200.950.294	17	5.670.000	29	5.811.500	129.838	212.561.632	10.279.700	1.928.800	1.286.200	2.125.300	1.320.000	114.400	566.000	17.620.400	194.941.232	
5	HL-00142	Nguyễn Trung Hiếu	Chuyên viên	6.578.000	24	A	9.344.200						9.344.200	526.300	98.700	65.800	93.400	55.000			839.200	8.505.000	
6	HL-00562	Phạm Minh Quang	Chuyên viên	5.682.000	24	A	9.282.776	2	756.000				10.038.776	454.600	85.300	56.900	100.400	55.000			752.200	9.286.576	
7	HL-01316	Trần Hữu Dương	Chuyên viên	4.745.000	24	A	9.282.776	1	378.000				9.660.776	379.700	71.200	47.500	96.600	55.000			650.000	9.010.776	
8	HL-02081	Nguyễn Văn Sỹ	Chuyên viên	5.682.000	24	A	9.282.776	2	756.000				10.038.776	454.600	85.300	56.900	100.400	55.000			752.200	9.286.576	
9	HL-02792	Kim Đình Thái	Chuyên viên	5.682.000	24	A	9.282.776						9.282.776	454.600	85.300	56.900	92.800	55.000			744.600	8.538.176	
10	HL-03603	Nguyễn Tuấn Khanh	Chuyên viên	5.154.000	24	A	9.282.776						9.282.776	412.400	77.400	51.600	92.800	55.000			689.200	8.593.576	
11	HL-04011	Nguyễn Văn Tiến	Chuyên viên	5.682.000	24	A	8.309.620						8.309.620	454.600	85.300	56.900	83.100	55.000			734.900	7.574.720	
12	HL-03156	Nguyễn Văn Tam	Chuyên viên	4.982.000	24	A	9.282.776	2	630.000				9.912.776	398.600	74.800	49.900	99.100	55.000			677.400	9.235.376	
13	HL-00130	Hoàng Văn Hoan	Chuyên viên	5.154.000	20	A	7.822.725	1	315.000	5	991.154		9.128.879	412.400	77.400	51.600	91.300	55.000	28.600		716.300	8.412.579	
14	HL-02395	Nghiên Thu Hà	Chuyên viên	5.411.000	24	A	8.309.620					64.919	8.374.539	432.900	81.200	54.200	83.700	55.000			707.000	7.667.539	
15	HL-02791	Phạm Thị Vân	Chuyên viên	5.682.000	24	A	8.309.620	1	315.000			64.919	8.689.539	454.600	85.300	56.900	86.900	55.000			738.700	7.950.839	
16	HL-03777	Nguyễn Văn Nhượng	Chuyên viên	5.767.000	24	A	8.309.620	1	315.000				8.624.620	461.400	86.600	57.700	86.200	55.000			746.900	7.877.720	
17	HL-05042	Lâm Văn Lý	Chuyên viên	4.908.000	24	A	8.309.620						8.309.620	392.700	73.700	49.100	83.100	55.000		359.000	1.012.600	7.297.020	
18	HL-02247	Lê Quý Trường	Chuyên viên	5.154.000	24	A	8.309.620	1	315.000				8.624.620	412.400	77.400	51.600	86.200	55.000			682.600	7.942.020	
19	HL-02418	Phạm Việt Dũng	Chuyên viên	5.411.000	21	A	7.336.226			4	832.462		8.168.688	432.900	81.200	54.200	81.700	55.000			705.000	7.463.688	
20	HL-02632	Nguyễn Văn Hưng	Chuyên viên	5.154.000	24	A	9.282.776						9.282.776	412.400	77.400	51.600	92.800	55.000			689.200	8.593.576	
21	HL-02549	Hòa Văn Tiến	Chuyên viên	4.908.000	17	A	6.038.368	2	630.000	10	1.887.692		8.556.060	392.700	73.700	49.100	85.600	55.000			656.100	7.899.960	
22	HL-02825	Ngô Văn Trung	Chuyên viên	5.411.000	24	A	8.309.620	1	315.000				8.624.620	432.900	81.200	54.200	86.200	55.000			709.500	7.915.120	
23	HL-04236	Đoàn Xuân Luyến	Chuyên viên	5.154.000	19	A	6.687.297			5	991.154		7.678.451	412.400	77.400	51.600	76.800	55.000	85.800		759.000	6.919.451	
24	HL-03761	Trần Văn Hùng	Chuyên viên	5.767.000	21	A	7.336.226	1	315.000	5	1.109.038		8.760.264	461.400	86.600	57.700	87.600	55.000			748.300	8.011.964	
25	HL-03690	Trần Văn Nham	Chuyên viên	5.767.000	24	A	8.309.620	1	315.000				8.624.620	461.400	86.600	57.700	86.200	55.000			746.900	7.877.720	
26	HL-04347	Phạm Văn Tùng	Chuyên viên	5.154.000	24	A	8.309.620						8.309.620	412.400	77.400	51.600	83.100	55.000		207.000	886.500	7.423.120	
27	HL-05016	Nguyễn Tuấn Hoàn	Chuyên viên	4.745.000	24	A	8.309.620	1	315.000				8.624.620	379.700	71.200	47.500	86.200	55.000			639.600	7.985.020	
28	HL-05163	Đỗ Trọng Huấn	Chuyên viên	4.745.000	24	A	8.309.620						8.309.620	379.700	71.200	47.500	83.100	55.000			636.500	7.673.120	
Tổng cộng					641		244.327.650	18	6.128.000	39	8.471.308	129.838	259.056.796	12.388.100	2.324.400	1.550.000	2.590.200	1.540.000	114.400	566.000	21.073.100	237.983.696	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2019
P.GIÁM ĐỐC

LẬP BIỂU

PHÒNG TCLĐ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thỏa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng